

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC THEO HƯỚNG HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THÚY CƯỜNG

Khoa Luật & Khoa học Chính trị, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: nguyenthithuycuong@iuh.edu.vn

DOIs: <https://www.doi.org/10.46242/jstih.v78i6.5707>

Tóm tắt: Bài viết phân tích đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo hướng học tập trải nghiệm gắn với phục vụ cộng đồng ở Việt Nam hiện nay. Về phương pháp, nghiên cứu kết hợp tổng quan tài liệu và phân tích so sánh trường hợp tại bốn trường đại học công lập (IUH, VLU, HUTECH, CTU), dựa trên khảo sát sinh viên, nghiên cứu thực nghiệm và báo cáo học phần service-learning. Kết quả nhận diện bốn mô hình chính: học phần tín chỉ tích hợp CSL, đồ án kỹ thuật EPICS, chương trình service-learning quốc tế ngắn hạn và trại hè, dự án mùa vụ. Trong đó, mô hình học phần tín chỉ theo khung EPICS hoặc tương đương thể hiện ưu thế về kết quả học tập, kỹ năng mềm, trách nhiệm xã hội và mức độ thể chế hóa. Nghiên cứu chỉ ra rào cản về hành lang pháp lý, nguồn lực, công cụ đánh giá và phối hợp liên ngành. Đóng góp của bài viết này là đề xuất khung phân loại, bộ tiêu chí và nhóm giải pháp chính sách quản trị để mở rộng bền vững mô hình học tập trải nghiệm phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khóa: Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học; học tập trải nghiệm; phục vụ cộng đồng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang chịu tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, chuyển đổi số và nhu cầu xã hội ngày càng đa dạng, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển toàn diện năng lực người học trở thành yêu cầu tất yếu. Cách tiếp cận truyền thống chỉ chú trọng truyền đạt kiến thức một chiều dẫn đến hạn chế, đặc biệt trong việc hình thành kỹ năng mềm, tư duy phản biện và ý thức cộng đồng, những phẩm chất quan trọng đối với công dân toàn cầu trong thế kỷ XXI. Trước yêu cầu đó, phương pháp học tập trải nghiệm và học tập phục vụ cộng đồng đã và đang được nhiều quốc gia phát triển ứng dụng như một mô hình giảng dạy tích hợp thực tiễn và học thuật. Tại Việt Nam, một số cơ sở giáo dục đại học bước đầu triển khai học phần theo hướng này, song chưa thật sự đồng bộ về chính sách, nguồn lực và thiết kế chương trình. Vì vậy, việc phân tích cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm phát huy hiệu quả phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng là cần thiết, góp phần thúc đẩy đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng đào tạo đại học trong thời đại mới.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận về phương pháp học tập trải nghiệm và học tập phục vụ cộng đồng

2.1.1. Một số khái niệm về phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng

- Khái niệm về phương pháp học tập trải nghiệm

Theo David A. Kolb, nhà tâm lý học xã hội và nhà giáo dục định nghĩa phương pháp học tập trải nghiệm là “*quá trình mà trong đó tri thức được hình thành thông qua sự chuyển hóa của kinh nghiệm. Tri thức là kết quả từ sự kết hợp giữa việc nắm bắt và chuyển hóa kinh nghiệm*” (Kolb, 1984, tr. 41). Khái niệm này đã làm rõ mối liên hệ giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời đặt người học vào trung tâm của quá trình nhận thức. Mô hình học tập của Kolb có giá trị ứng dụng cao trong giáo dục đại học, đào tạo nghề, và các lĩnh vực phát triển cá nhân, vì nó giúp người học phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề qua chính trải nghiệm của bản thân.

Trung tâm CITL - Association for Experiential Education định nghĩa phương pháp học tập trải nghiệm là “*một triết lý và phương pháp luận trong đó người dạy chủ động gắn kết người học vào trải nghiệm trực tiếp và suy ngẫm tập trung để nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng và làm rõ giá trị đạo đức*” (Northern Illinois University, 2025). Cách tiếp cận này cho thấy tầm quan trọng của việc giáo dục không chỉ nhằm truyền đạt tri thức, mà còn hướng tới hình thành nhân cách và đạo đức cho người học. Mô hình

này đặc biệt phù hợp với giáo dục hiện đại, nơi năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và hành động có trách nhiệm được đặt lên hàng đầu.

University of Queensland định nghĩa: *“học tập trải nghiệm là quá trình học bằng hành động, kết nối lý thuyết và kiến thức với các tình huống trong đời thực.”* (University of Queensland, 2025). Định nghĩa này nhấn mạnh hành động thực tiễn là yếu tố then chốt để biến kiến thức thành kỹ năng ứng dụng, không chỉ đơn thuần là học để biết. Việc kết nối lý thuyết trực tiếp với các tình huống đời thường giúp người học dễ hiểu sâu hơn và nhớ lâu hơn. Phương pháp này thúc đẩy người học trở thành trung tâm của quá trình giáo dục, tự chủ tìm tòi, phân tích và áp dụng kiến thức vào thực tế.

Như vậy, *phương pháp học tập trải nghiệm là một quá trình giáo dục trong đó người học chủ động tham gia vào các tình huống thực tiễn có ý nghĩa, qua đó hình thành và phát triển tri thức, kỹ năng và giá trị cá nhân thông qua việc phân biện và tái cấu trúc nhận thức.* Chính sự tham gia tích cực và khả năng phân tích, phản hồi sau mỗi trải nghiệm giúp người học chuyển hóa kinh nghiệm sống thành hiểu biết sâu sắc, có khả năng ứng dụng linh hoạt trong nhiều bối cảnh khác nhau.

- *Khái niệm phương pháp học tập phục vụ cộng đồng*

Có nhiều cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau về phương pháp học tập phục vụ cộng đồng, phản ánh sự đa dạng trong mục tiêu, phạm vi ứng dụng và bối cảnh giáo dục. Trong tiếng Anh, phương pháp này thường được gọi là *Service Learning* hoặc *Community-Based Learning*. Khái niệm phương pháp học tập phục vụ cộng đồng bắt đầu xuất hiện từ thập niên 1960 tại Hoa Kỳ, trong bối cảnh các trường đại học tìm cách gắn kết sâu hơn giữa hoạt động học thuật và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Từ đó đến nay, phương pháp học tập phục vụ cộng đồng đã phát triển thành một phương pháp giáo dục trải nghiệm có ảnh hưởng rộng rãi, được tích hợp vào chương trình đào tạo đại học ở nhiều quốc gia trên thế giới như Canada, Úc, Anh, Singapore... nhằm tăng cường trách nhiệm xã hội, năng lực công dân và kỹ năng thực hành cho sinh viên. Phương pháp này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả học tập mà còn giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn về vai trò của mình đối với cộng đồng và các vấn đề xã hội đương đại.

Theo Vietnam Service Learning, *“Học tập phục vụ cộng đồng là một phương pháp giảng dạy và học tập có sự kết hợp với các hoạt động phục vụ cộng đồng, thông qua sự hướng dẫn của người dạy và sự tự phản ánh (reflection) của người học để từ đó làm giàu thêm những trải nghiệm học tập, giúp xây dựng trách nhiệm công dân và làm vững mạnh cộng đồng”* (Vietnam Service Learning, 2012). Định nghĩa này đề cao vai trò của cộng đồng như một phần không thể tách rời trong quá trình giáo dục, cho thấy học tập không chỉ là quá trình cá nhân mà còn là hành động xã hội mang tính tương hỗ. Từ đó, phương pháp này mở rộng phạm vi ảnh hưởng của giáo dục, tạo ra giá trị kép cho cả người học và cộng đồng.

Theo Jacoby phương pháp học tập phục vụ cộng đồng *“là hình thức giáo dục kinh nghiệm mà sinh viên tiến hành các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người và cộng đồng, kết hợp với mục tiêu nâng cao khả năng học tập và phát triển của sinh viên”* (Jacoby, 2003). Điểm đặc sắc trong định nghĩa này là việc xác lập mối liên hệ chặt chẽ giữa tri thức học thuật và nhu cầu thực tiễn, từ đó tạo ra quá trình học tập mang tính tương tác hai chiều, vừa góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, vừa nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, Jacoby cũng cho thấy rõ vai trò chủ động của sinh viên trong việc tiếp cận thực tế xã hội với tư cách là người tham gia tích cực chứ không đơn thuần là người tiếp nhận tri thức, từ đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện cả về kỹ năng, thái độ và trách nhiệm xã hội.

Tác giả Bùi Hà Phương (2015) cho rằng, phương pháp học tập phục vụ cộng đồng *“là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học ứng dụng được những kiến thức, kỹ năng đã được học trong nhà trường, lớp học vào điều kiện thực tế”* (Phương, 2015).

Như vậy, *phương pháp học tập phục vụ cộng đồng là một phương pháp giáo dục mang tính trải nghiệm, trong đó người học tích cực tham gia vào các hoạt động phục vụ thực tiễn xã hội có định hướng rõ ràng, đồng thời phân biện sâu sắc để kết nối trải nghiệm đó với kiến thức học thuật nhằm phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn, kỹ năng xã hội và trách nhiệm công dân.*

2.1.2. Đặc trưng, vai trò của phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học

2.1.2.1. Đặc trưng của phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng

Thứ nhất, phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng có nền tảng thực tiễn vững chắc, gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức hàn lâm và nhu cầu xã hội. Sinh viên chủ động tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, trực tiếp tiếp xúc với các vấn đề thực tế, đồng thời phân tích, đối chiếu và vận dụng kiến thức đã học để tìm ra giải pháp phù hợp. Quá trình này khắc phục những hạn chế của lối truyền đạt lý

thuyết một chiều, đồng thời tạo điều kiện để tri thức được hình thành và phát triển thông qua trải nghiệm thực tế, giúp sinh viên nâng cao năng lực hành động và tư duy sáng tạo (Salam, 2019).

Thứ hai, tính tương hỗ là đặc trưng cốt lõi, thể hiện sự cân bằng giữa mục tiêu học tập và nhu cầu của cộng đồng. Hoạt động phục vụ cộng đồng không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức, kỹ năng mà còn mang lại giá trị thiết thực cho xã hội thông qua việc giải quyết các vấn đề cấp bách, đáp ứng nhu cầu của người dân và tổ chức địa phương. Sự cân bằng này bảo đảm cả hai phía cùng phát triển, tạo ra kết quả học tập có ý nghĩa lâu dài và bền vững. Furco khẳng định, phương pháp học tập phục vụ cộng đồng là hình thức giáo dục “*có sự cân bằng giữa mục tiêu học tập và kết quả phục vụ*” (Furco, 1996).

Thứ ba, phản ánh có cấu trúc (structured reflection) là yếu tố trung tâm trong toàn bộ quá trình học tập. Hoạt động phản ánh có định hướng giúp sinh viên không chỉ nhìn lại trải nghiệm đã tham gia mà còn khái quát hóa, chuyển hóa chúng thành tri thức sâu sắc và giá trị mới. Kolb đã mô tả chu trình học tập trải nghiệm bao gồm “*trải nghiệm cụ thể, xem xét và suy ngẫm, khái niệm hóa trừu tượng và thử nghiệm tích cực*,” trong đó phản ánh đóng vai trò cầu nối giữa hành động và lý thuyết, giúp người học nâng cao nhận thức và năng lực tư duy phản biện (Kolb, 1984).

Thứ tư, phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng góp phần phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, đặc biệt là trách nhiệm công dân, tư duy phản biện, kỹ năng hợp tác, khả năng thích ứng và ý thức cộng đồng. Sinh viên không chỉ được trang bị kiến thức chuyên môn mà còn hình thành các giá trị nhân văn, từ đó trở thành những công dân có trách nhiệm, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội.

Kết hợp các đặc trưng trên, phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng hình thành một mô hình giáo dục hiện đại, toàn diện và nhân văn, hài hòa giữa học thuật và thực tiễn, giữa phát triển cá nhân và phụng sự xã hội. Đây là hướng tiếp cận quan trọng, giúp giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2.1.2.2. Vai trò của phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học

Phương pháp học tập trải nghiệm và học tập phục vụ cộng đồng ngày càng khẳng định vai trò thiết yếu trong giáo dục đại học hiện đại. Cụ thể:

- Tăng cường kết nối lý thuyết và thực tiễn

Với phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng, sinh viên được tham gia dự án thực tế như tư vấn sức khỏe, giáo dục cộng đồng, kỹ thuật ứng dụng giúp họ ứng dụng kiến thức vào thực tế, phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng đóng vai trò như một cầu nối hữu hiệu giữa tri thức hàn lâm và bối cảnh thực tiễn. Thông qua việc tham gia các dự án liên ngành, sinh viên không chỉ kiểm chứng lại kiến thức đã học mà còn phát triển khả năng vận dụng linh hoạt trong môi trường phức hợp. Quá trình này góp phần thu hẹp khoảng cách giữa giảng đường và thực tiễn xã hội, đồng thời khơi dậy tính chủ động, sáng tạo trong tư duy học thuật của người học.

- Phát triển kỹ năng mềm và công dân có trách nhiệm

Thông qua hoạt động phục vụ cộng đồng, sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tổ chức dự án và thích ứng với môi trường đa dạng. Đồng thời, sinh viên được tiếp xúc với các vấn đề như bất bình đẳng, biến đổi khí hậu, từ đó phát triển tinh thần trách nhiệm và xây dựng lòng nhân ái. Ngoài ra, việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động cộng đồng giúp sinh viên nâng cao khả năng lắng nghe, tư duy phản biện và ra quyết định trong những tình huống phức tạp, đa chiều. Sự tương tác liên tục với các nhóm xã hội khác nhau còn góp phần hình thành tư duy bao trùm (inclusive thinking) và thúc đẩy năng lực hành động có đạo đức. Qua đó, người học dần xây dựng bản sắc công dân toàn cầu với tinh thần trách nhiệm xã hội, ý thức phục vụ và năng lực hành động vì lợi ích chung.

- Lợi ích đối với cộng đồng và nhà trường

Phương pháp này không chỉ sinh viên được lợi, nó còn tạo ra giá trị thực tiễn cho cộng đồng thông qua dịch vụ chất lượng và sự chung tay của sinh viên. Các tổ chức cộng đồng được hỗ trợ nguồn lực, ý tưởng mới và tính chuyên nghiệp. Nhà trường cũng hưởng lợi bởi tăng cường uy tín và nâng cao chất lượng đào tạo. Sự tham gia của sinh viên vào các dự án cộng đồng mang tính định hướng không chỉ góp phần giải quyết những vấn đề cấp thiết tại địa phương mà còn tạo điều kiện để cộng đồng tiếp cận tri thức hàn lâm dưới hình thức dễ hiểu và ứng dụng được. Đồng thời, nhà trường cũng có được mối liên kết ba bên giữa cơ sở giáo dục – chính quyền – tổ chức xã hội, từ đó xây dựng hình ảnh là một trung tâm tri thức gắn với

trách nhiệm xã hội. Mỗi quan hệ cộng hưởng này thúc đẩy quá trình đổi mới giáo dục theo hướng mở và tích hợp, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh hiện đại.

- *Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức hợp*

Phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng đóng vai trò như một động lực mạnh mẽ thúc đẩy tư duy đổi mới trong giáo dục đại học. Khi tham gia các dự án gắn với nhu cầu thực tiễn, sinh viên buộc phải đối diện với những vấn đề không có lời giải sẵn, đòi hỏi khả năng phân tích, tổng hợp và thiết kế giải pháp sáng tạo. Quá trình này khuyến khích người học vận dụng kiến thức liên ngành, kết hợp công nghệ, khoa học xã hội và kỹ năng quản lý để đưa ra các phương án khả thi và bền vững. Đồng thời, việc cộng tác với nhiều đối tượng liên quan như doanh nghiệp, chính quyền và cộng đồng giúp sinh viên phát triển tư duy hệ thống và năng lực lãnh đạo. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành thể hệ tri thức mới có khả năng thích ứng với môi trường toàn cầu đầy biến động và cạnh tranh khốc liệt.

Tóm lại, phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học không chỉ giúp sinh viên tích lũy kiến thức chuyên môn mà còn phát triển kỹ năng sống, khơi gợi trách nhiệm xã hội, góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

2.2. Thực trạng đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo hướng học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Những thành tựu đạt được

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo hướng tăng cường năng lực thực tiễn và trách nhiệm xã hội, việc **đổi mới** phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng tại Việt Nam đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng.

Thứ nhất, cải tiến chương trình đào tạo theo hướng học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng

Trong những năm gần đây, nhiều trường đại học tại Việt Nam đã từng bước tích hợp phương pháp học tập trải nghiệm phục vụ cộng đồng vào chương trình đào tạo, phản ánh xu hướng chuyển dịch từ mô hình đào tạo lý thuyết truyền thống sang mô hình học tập gắn liền thực tiễn và trách nhiệm xã hội.

Một số cơ sở giáo dục đại học đã triển khai các học phần phương pháp học tập trải nghiệm phục vụ cộng đồng có tín chỉ chính thức. Theo báo cáo “*The Growth of Service-Learning in Vietnamese Higher Education*” (Dung Nguyen, 2023), ít nhất bốn trường đại học công lập bao gồm Đại học Văn Lang, HUTECH, Đại học Cần Thơ và Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh đã xây dựng chương trình học tập trải nghiệm phục vụ cộng đồng ở cấp học phần, có nội dung và tiêu chí đánh giá học thuật cụ thể.

Ở IUH, hướng tiếp cận *học tập trải nghiệm gắn với phục vụ cộng đồng* đã được kiểm chứng bằng các nghiên cứu bình duyệt và dữ liệu quy mô lớn. Về nền tảng, một nghiên cứu đa địa điểm đăng trên International Journal of Research on Service-Learning and Community Engagement (IJRSLCE, 2023) cho thấy ở Việt Nam, các học phần service-learning phát triển theo động lực việc làm, trách nhiệm cộng đồng và chủ yếu do giảng viên khởi xướng từ dưới lên bối cảnh lý giải vì sao các triển khai ở cấp khoa, bộ môn tại IUH có ý nghĩa hệ thống, dù chính sách thể chế còn đang hoàn thiện (Dung & cộng sự, 2023). Ở mức độ bằng chứng thực nghiệm có IUH tham gia, khảo sát đăng trên ERIC (Universal Journal of Educational Research, 2018) thu thập 705 phiếu trả lời của sinh viên kỹ thuật ở ba trường (HCMUTE, IUH, CTU), qua đó định lượng mức độ tham gia vào 11 nhóm hoạt động trải nghiệm trong và ngoài lớp và làm rõ khác biệt theo năm học, giới tính, GPA cơ sở dữ liệu có giá trị để IUH thiết kế hiệu chỉnh các hoạt động trải nghiệm gắn bối cảnh thực (Hien & Oanh, 2018).

Ở cấp học phần cụ thể, nghiên cứu bán thực nghiệm tại IUH (Linguistics and Culture Review, 2021) với mẫu 120 sinh viên kỹ thuật cho thấy việc tích hợp hoạt động trải nghiệm (vai trò, phản tư, làm việc nhóm, tình huống thực) cải thiện động lực và kỹ năng nói tiếng Anh, minh họa năng lực kết nối mục tiêu học thuật với bối cảnh người học (Nhat & Oanh, 2021).

Bên cạnh đó, một nghiên cứu trường hợp áp dụng Community Service-Learning (EJLLL, 2023) tại IUH ghi nhận 396 sinh viên kỹ thuật và 24 giảng viên tham gia, kết quả cho thấy năng lực giao tiếp tiếng Anh của nhóm tham gia CSL cao hơn so với nhóm không tham gia một chỉ dấu trực tiếp về tác động của mô hình *học qua phục vụ* lên chuẩn đầu ra kỹ năng mềm/ngôn ngữ (Nhat, 2023).

Ở tầm thiết kế chương trình, Tạp chí Khoa học & Công nghệ IUH (2021) cũng mô tả IUH tiếp cận mô hình EPICS (Engineering Projects in Community Service) như một khung thiết kế dịch vụ học tập nơi sinh viên phối hợp tổ chức cộng đồng để giải quyết vấn đề kỹ thuật xã hội bước thể chế hóa giúp các dự án CSL gắn chặt với môn học và tiêu chí đánh giá (Thuận & Hải, 2021).

Từ năm 2019, Đại học Văn Lang (VLU) triển khai phương pháp dạy “học tập phục vụ cộng đồng” trong chương trình Đào tạo. Đặc biệt, ngay năm đầu có “*hơn 30 dự án gắn với môn học*”; các dự án được tích hợp vào học phần và có đánh giá học thuật (tính chính khóa, tín chỉ). Đến giai đoạn 2020 - 2022, nhà trường cho biết đã tổ chức 30 nhóm dự án phi lợi nhuận trong khuôn khổ học phần học tập phục vụ cộng đồng; riêng đến năm 2023 ghi nhận “*hơn 50 dự án cộng đồng*” đã được sinh viên chương trình triển khai. Phương pháp giảng dạy đại học theo hướng học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng tại VLU hiện áp dụng cho 14 ngành của Chương trình Đào tạo Đặc biệt; danh mục 14 ngành được công bố kèm thời điểm bắt đầu áp dụng từ 2019. Bên cạnh đó, đại học Văn Lang khẳng định là một trong những đơn vị tiên phong triển khai đào tạo theo mô hình này trong chương trình đào tạo đặc biệt, có hợp tác và tập huấn nội bộ với tổ chức ECO Vietnam Group (EVG) theo biên bản ghi nhớ (MOU) nhằm phát triển học phần “*Học tập phục vụ cộng đồng*” và năng lực giảng viên (Thanh niên, 2025).

Tại HUTECH, chương trình “Global Service Learning 2025” được tổ chức vào tháng 1/2025 với sự tham gia của hơn 150 sinh viên và giảng viên từ Việt Nam và Hàn Quốc, nhằm nâng cao nhận thức công dân toàn cầu thông qua các dự án hợp tác cộng đồng (Hutech, 2025). “*Học tập phục vụ cộng đồng*” đã được tích hợp ở cấp học phần có tín chỉ: Khoa Truyền thông & Thiết kế đưa môn Đồ án truyền thông phục vụ cộng đồng (MDC457) 3 tín chỉ vào chương trình đào tạo chính quy cho các khóa 2022–2024; môn học được tổ chức triển khai định kỳ trước khi sinh viên thực hiện dự án, qua đó bảo đảm mục tiêu học thuật và tác động xã hội của học phần. Bên cạnh đó, HUTECH còn mở rộng theo hướng quốc tế hóa với chương trình “Global Service Learning 2025” phối hợp các trường đại học Hàn Quốc, đồng thời duy trì các sân chơi dự án cộng đồng như “Together for Change” để nuôi dưỡng hệ sinh thái phục vụ cộng đồng trong toàn trường (Dung & cộng sự, 2023).

Tại Đại học Cần Thơ (CTU), “*Học tập phục vụ cộng đồng*” được Khoa Phát triển Nông thôn khởi xướng từ 2018 và duy trì thành hoạt động thường niên (2018, 2019, 2022, 2024). Năm 2024, chương trình diễn ra 01–12/7/2024 trong 2 tuần, gồm 2 trại học (Tiếng Anh, Công nghệ thông tin) và 1 công trình thanh niên, huy động hơn 30 sinh viên tình nguyện và phục vụ 54 học sinh Trường Tiểu học Hòa An, qua đó minh họa rõ nét cách gắn kết kiến thức học thuật với nhu cầu cộng đồng tại địa phương (Cần Thơ, 2024). Ở giai đoạn khởi động 2019, CTU đã triển khai “*Học tập phục vụ cộng đồng*” dạng trại hè ở Khoa Phát triển Nông thôn; thực hành này được một nghiên cứu bình duyệt quốc tế (PJLSS, 2024). Ngoài hoạt động hè, các đơn vị học thuật trong trường còn lồng ghép dự án phục vụ cộng đồng vào môn học. Chẳng hạn, Bộ môn Phương pháp dạy học tiếng Pháp tổ chức dự án “*Trò chơi ngôn ngữ*”, cho thấy xu hướng tích hợp học tập phục vụ cộng đồng vào quá trình dạy học chính khóa theo đặc thù từng khoa. Ở cấp độ thể chế, Đại học Cần Thơ ban hành quy định riêng về kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng, tạo khung pháp lý và quy trình để chuẩn hóa, giám sát và mở rộng các hoạt động gắn kết cộng đồng toàn trường.

Đối sánh mô hình và căn cứ kết luận hiệu quả từ các trường hợp IUH, VLU, HUTECH và CTU có thể phân loại bốn dạng triển khai chủ đạo: (i) CSL tích hợp học phần có tín chỉ (VLU; HUTECH–MDC457; các học phần tại IUH), (ii) EPICS đồ án kỹ thuật phục vụ cộng đồng (IUH), (iii) Học tập phục vụ cộng đồng toàn cầu ngắn hạn, liên quốc gia (HUTECH 2025), và (iv) Học tập phục vụ cộng đồng mùa vụ dạng trại hè, dự án cộng đồng (CTU). So sánh theo 6 tiêu chí: (1) mức độ thể chế hóa trong chương trình đào tạo và quy định đánh giá; (2) căn chỉnh chuẩn đầu ra & rubric; (3) thời lượng, nhịp độ học thuật (cả học kỳ và ngắn hạn); (4) cơ chế đo lường kết quả học tập (tiền hậu trắc nghiệm, bán thực nghiệm, khảo sát quy mô lớn); (5) quy mô, tính bền vững quan hệ đối tác; (6) chi phí tổ chức/nhân lực cho thấy học tập phục vụ cộng đồng tích hợp học phần có tín chỉ theo khung thiết kế chuẩn (EPICS hoặc tương đương) đạt hiệu quả vượt trội và ổn định hơn về đồng thời ba trục: học thuật (điểm số, kỹ năng ngoại ngữ cải thiện có kiểm định), xã hội (tác động cộng đồng có theo dõi), và thể chế (duy trì nhiều học kỳ, mở rộng liên khoa). Căn cứ là: (a) bằng chứng bán thực nghiệm và khảo sát quy mô lớn ở IUH, HCMUTE, CTU cho thấy cải thiện kỹ năng & động lực học tập; (b) thiết kế các dự án kỹ thuật phục vụ cộng đồng (EPICS) tạo được rubric đánh giá cụ thể, gắn chặt môn học; (c) ở VLU và HUTECH, học phần chính khóa cho phép căn chỉnh mục tiêu đánh giá và mở rộng quy mô dự án qua nhiều khóa, thay vì chỉ dựa vào hoạt động ngắn hạn. Ngược lại, học tập phục vụ cộng đồng toàn cầu ngắn hạn mạnh về năng lực công dân toàn cầu liên văn hóa, nhưng độ sâu học thuật và liên kết tiêu chí đánh giá thường hạn chế do thời lượng; Học tập phục vụ cộng đồng (CSL) mùa vụ tại Đại học Cần Thơ cho tác động cộng đồng rõ rệt, song tính liên tục và lan tỏa trong chương trình đào tạo phụ thuộc mạnh vào từng đợt tổ chức.

Như vậy, với các dữ liệu hiện có, mô hình “*học phần tín chỉ và khung tích hợp trong học phần chính khóa*” là lựa chọn hiệu quả nhất để tối ưu đồng thời kết quả học tập và tác động xã hội ở bối cảnh Việt Nam. Yếu tố tạo khác biệt gồm: (1) mức thể chế hóa trong chương trình đào tạo; (2) rubric và cơ chế đo lường tiên hậu; (3) thời lượng một học kỳ giúp phân bổ có cấu trúc; (4) liên ngành, liên kết đối tác ổn định; (5) nguồn lực cố định (điều phối, cố vấn, kinh phí nhỏ linh hoạt). Từ đó kiến nghị các trường ưu tiên tích hợp môn tín chỉ theo khung học tập phục vụ cộng đồng đồng thời hỗ trợ bằng học phần ngắn hạn quốc tế hóa nhằm bồi dưỡng năng lực công dân toàn cầu và dự án mùa vụ nhằm gia tăng hiện diện cộng đồng nhưng không thay thế học phần chính khóa.

Nhìn chung, những minh chứng trên cho thấy sự cải tiến chương trình đào tạo đại học tại Việt Nam theo hướng tích hợp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng đang diễn ra với quy mô ngày càng mở rộng.

Thứ hai, phát triển năng lực toàn diện của sinh viên

Ngày càng nhiều bằng chứng thực nghiệm cho thấy phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng giúp sinh viên phát triển vượt trội về kỹ năng mềm, đồng thời nâng cao ý thức xã hội và trách nhiệm cộng đồng.

Nghiên cứu Tran et al. (2024) tại Trường Đại học Cần Thơ (Khoa Ngoại ngữ), cho thấy sinh viên sau khi tham gia Học tập phục vụ cộng đồng (Community Service Learning) cải thiện rõ rệt khả năng lãnh đạo, làm việc nhóm, nhạy cảm với các vấn đề xã hội. Điểm trung bình trên thang Likert (1–5) tăng từ 3.85 lên 4.15 ở các khía cạnh như làm việc nhóm, tư duy toàn cầu, và cam kết xã hội (Tran et al, 2024).

Nghiên cứu tại IUH, được thực hiện trên 100 sinh viên kỹ thuật, kết hợp phỏng vấn 50 giảng viên. Kết quả cho thấy đa số kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề tăng đáng kể; hơn 80% cho rằng mô hình giúp họ áp dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế hiệu quả hơn. Ý thức cộng đồng và năng lực xã hội cũng tăng thêm khoảng 15–20%, sinh viên thể hiện sự chủ động cao hơn khi đối diện các vấn đề xã hội thực tế (Nhật & Oanh, 2023).

Thứ ba, nâng cao tác động xã hội và củng cố trách nhiệm cộng đồng của nhà trường

Phương pháp này không chỉ mang lại lợi ích cho sinh viên mà còn tạo ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng địa phương. Nghiên cứu của Dung Nguyen và cộng sự năm (2023) cho thấy các chương trình được triển khai tại bốn trường đại học công lập miền Trung và miền Nam đã hỗ trợ địa phương giải quyết các vấn đề như ô nhiễm môi trường, y tế cộng đồng và quản lý tài nguyên, đồng thời xây dựng mạng lưới hợp tác bền vững giữa nhà trường, chính quyền và tổ chức xã hội. Các kết quả này chứng minh rằng mô hình học tập trải nghiệm phục vụ cộng đồng góp phần thúc đẩy phát triển bền vững, tăng cường sự gắn kết xã hội và nâng cao hình ảnh nhà trường như một đối tác tin cậy và có trách nhiệm.

Các minh chứng này cho thấy mô hình học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng không chỉ tạo ra giá trị ngắn hạn (như nâng cao sức khỏe, tiện ích sinh hoạt) mà còn góp phần thiết thực vào phát triển bền vững, nâng cao nhận thức về môi trường và trách nhiệm xã hội của cả nhà trường lẫn cộng đồng.

2.2.2. Những khó khăn, thách thức

Dù mang lại nhiều lợi ích tích cực, việc áp dụng phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học Việt Nam vẫn đang đối mặt với hàng loạt khó khăn về tổ chức, nguồn lực, nhận thức và chính sách.

Thứ nhất, nhiều giảng viên và quản lý thiếu kinh nghiệm triển khai phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học nên chủ yếu vận dụng các hoạt động một cách thụ động và không theo lộ trình rõ ràng; điều này làm giảm hiệu quả giáo dục cả về kiến thức lẫn kỹ năng xã hội. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng cho thấy, sinh viên còn thiếu cam kết thực sự vào các dự án cộng đồng, phần lớn vì áp lực về thời gian học tập chuyên ngành và thiếu động lực nội sinh.

Thứ hai, ở mức độ cơ sở vật chất và tài chính, phần lớn các dự án học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học đều thiếu ngân sách và trang thiết bị phù hợp, dẫn đến việc phụ thuộc vào hỗ trợ từ đối tác xã hội hoặc tài trợ bên ngoài, khó duy trì lâu dài. Đặc biệt, các tổ chức cộng đồng cũng vấp phải thách thức trong việc chấp nhận cam kết và quản lý chất lượng của sinh viên, do lo ngại về trình độ chuyên môn và trách nhiệm của thành viên dự án.

Thứ ba, về khung chính sách và cơ chế đánh giá, hiện vẫn thiếu các quy định bắt buộc và minh bạch để bình xét hoạt động học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học như một tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đại học. Điều này khiến các trường đại học dù có tổ chức hoạt động, nhưng khó chuyển hóa thành giờ tín chỉ chính quy hoặc có cơ chế khuyến khích dài hạn.

Thứ tư, về mặt đánh giá học tập, hiện nay vẫn thiếu các công cụ đo lường hiệu quả của phương pháp học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng một cách toàn diện và định lượng. Hầu hết các cơ sở giáo dục đại học mới chỉ dừng lại ở việc thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên và giảng viên thông qua các phiếu khảo sát định tính, trong khi chưa xây dựng được hệ thống tiêu chí rõ ràng để đánh giá tác động dài hạn đến năng lực học thuật, nhận thức xã hội và năng lực nghề nghiệp của người học. Điều này gây khó khăn trong việc chứng minh tính hiệu quả và giá trị gia tăng thực sự của phương pháp này trong chương trình đào tạo chính quy.

Thứ năm, phương pháp học tập trải nghiệm phục vụ cộng đồng đòi hỏi sự phối hợp liên ngành và đa tác nhân (giữa nhà trường, chính quyền, tổ chức cộng đồng, doanh nghiệp), tuy nhiên khả năng điều phối và quản lý các mối quan hệ này trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn hạn chế. Nhiều trường chưa có đơn vị chuyên trách hoặc chưa được phân bổ nguồn nhân lực đủ năng lực để xây dựng chiến lược hợp tác bền vững, dẫn đến tình trạng các chương trình bị phụ thuộc vào các mối quan hệ cá nhân, thiếu tính kế thừa và khó nhân rộng mô hình hiệu quả.

Từ những phân tích trên có thể thấy, mặc dù học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng là một hướng đi tiềm năng trong đổi mới giáo dục đại học, nhưng vẫn đang gặp nhiều rào cản cả về thể chế, năng lực triển khai và điều kiện thực tiễn. Việc chưa có cơ chế đánh giá rõ ràng, thiếu nguồn lực và thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan đã ảnh hưởng đến hiệu quả và tính bền vững của mô hình. Do đó, cần có chiến lược đồng bộ từ cấp chính sách đến cơ sở thực thi nhằm tháo gỡ các thách thức, tạo nền tảng vững chắc để phương pháp này phát huy đầy đủ giá trị trong bối cảnh hiện đại.

2.2.3. Nguyên nhân

2.2.3.1. Nguyên nhân của những thành tựu

Những kết quả tích cực đạt được trong việc triển khai phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng tại các trường đại học Việt Nam xuất phát từ một số nguyên nhân cốt lõi.

Một là, sự chuyển dịch mạnh mẽ trong tư duy giáo dục đại học từ tiếp cận truyền thống sang tiếp cận lấy người học làm trung tâm đã thúc đẩy các cơ sở giáo dục tìm kiếm những phương pháp dạy học tích hợp thực tiễn, trong đó phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng nổi lên như một lựa chọn phù hợp để vừa phát triển năng lực, vừa khơi gợi trách nhiệm xã hội ở sinh viên.

Hai là, chính sách khuyến khích đổi mới giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo như trong Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã tạo điều kiện cho các trường đại học chủ động thiết kế và tích hợp các học phần hướng đến phục vụ cộng đồng trong chương trình chính khóa. Những mô hình như “*Global Service Learning*”, các dự án liên kết quốc tế và nội địa cũng được triển khai thuận lợi nhờ sự hợp tác ngày càng sâu rộng giữa nhà trường với tổ chức xã hội, doanh nghiệp và chính quyền địa phương, tạo ra môi trường học tập mở, liên ngành và gắn với thực tiễn.

Ba là, ý thức đổi mới và cam kết hành động từ phía lãnh đạo các trường đại học đã đóng vai trò then chốt trong việc thiết kế học phần, xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể, bố trí giảng viên phụ trách và khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động cộng đồng như một phần của quá trình giáo dục toàn diện. Đồng thời, sự lan tỏa kinh nghiệm tích cực giữa các trường cũng góp phần nhân rộng mô hình và gia tăng tác động xã hội của phương pháp này trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số hiện nay.

2.2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Những khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó nổi bật có những nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, chương trình đào tạo tại nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề từ mô hình truyền thống thiên về giảng dạy lý thuyết, chưa thực sự khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích hợp với thực tiễn. Đây là nguyên nhân cốt lõi, dẫn đến việc giảng viên thiếu kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm gắn với cộng đồng một cách bài bản, làm giảm hiệu quả triển khai trong thực tế.

Thứ hai, nguồn tài chính dành cho các hoạt động ngoài lớp học nói chung và học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng nói riêng chưa được ưu tiên trong cơ cấu ngân sách đào tạo của các trường đại học. Điều này xuất phát từ việc chưa có hành lang pháp lý cụ thể về đầu tư cho các hoạt động giáo dục mang tính phục vụ xã hội, khiến các đơn vị đào tạo phải phụ thuộc nhiều vào nguồn tài trợ bên ngoài, dẫn đến thiếu ổn định và thiếu tính bền vững của các chương trình.

Thứ ba, các cấp quản lý giáo dục chưa ban hành cơ chế giám sát, đánh giá và công nhận hiệu quả của phương pháp học tập trải nghiệm như một chỉ số quan trọng trong kiểm định chất lượng. Sự thiếu vắng các bộ tiêu chí đánh giá cụ thể khiến cho các trường gặp khó khăn trong việc đưa phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng vào chương trình chính khóa, cũng như chưa xây dựng được hệ thống phần thưởng hoặc ghi nhận xứng đáng cho giảng viên và sinh viên tham gia.

Thứ tư, năng lực phối hợp liên ngành trong nội bộ nhà trường và giữa nhà trường với các tổ chức bên ngoài còn yếu, do thiếu đơn vị điều phối chuyên trách, dẫn đến việc kết nối với cộng đồng thường mang tính ngắn hạn, tự phát, phụ thuộc vào sáng kiến cá nhân nhiều hơn là chiến lược tổng thể. Chính điều này khiến mô hình học tập phục vụ cộng đồng khó đạt được sự lan tỏa rộng rãi và duy trì ổn định trong dài hạn.

Tóm lại, các nguyên nhân nêu trên không chỉ phản ánh những hạn chế về năng lực thực thi mà còn cho thấy sự thiếu đồng bộ giữa chính sách vĩ mô và thực tiễn triển khai ở cơ sở, đòi hỏi một cách tiếp cận hệ thống để tháo gỡ, từ việc hoàn thiện khung pháp lý đến phát triển nguồn lực và thiết lập cơ chế đánh giá toàn diện.

2.3. Một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy đại học theo hướng học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng ở Việt Nam hiện nay

Để nâng cao hiệu quả và mở rộng phạm vi áp dụng phương pháp học tập trải nghiệm kết hợp phục vụ cộng đồng trong giáo dục đại học, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tích hợp sâu học tập trải nghiệm gắn với phục vụ cộng đồng vào chương trình đào tạo. Các trường thực hiện chuẩn hóa học phần 2–3 tín chỉ với chuỗi bắt buộc, xác định nhu cầu, mục tiêu học tập, đề cương dự án, rút kinh nghiệm có hướng dẫn, bàn giao sản phẩm, dịch vụ, đánh giá nhiều chiều. Thiết lập bản đồ chuẩn đầu ra học phần gắn với chuẩn đầu ra chương trình; mỗi chuẩn có 1–2 chỉ báo quan sát được và thang đo; công khai tỷ trọng điểm giữa phần phục vụ cộng đồng, chất lượng sản phẩm và rút kinh nghiệm. Bảo đảm học thuật và đạo đức thông qua thỏa thuận hợp tác, bản mô tả công việc, quy trình an toàn, bảo mật dữ liệu, đồng thuận và bảo hiểm. Quy trình 6 bước: (1) khảo sát nhu cầu (địa phương, tổ chức xã hội, doanh nghiệp); (2) đồng thiết kế đề bài và tiêu chí bàn giao; (3) phê duyệt đề cương tại hội đồng khoa; (4) huấn luyện trước hiện trường về an toàn, đạo đức, kỹ năng; (5) triển khai kèm giám sát giữa kỳ và rút kinh nghiệm định kỳ; (6) bàn giao, nghiệm thu, đánh giá nhiều chiều, lưu trữ minh chứng số. Chỉ số cốt lõi: tỷ lệ chương trình có ít nhất một học phần; số học phần; số giờ phục vụ trên sinh viên; tỷ lệ học phần có thỏa thuận và mô tả công việc; tỷ lệ sinh viên đạt mức “Đạt” theo thang đo chuẩn; tỷ lệ dự án đúng hạn, đúng tiêu chí; mức hài lòng đối tác $\geq 4/5$. Thực hiện phối hợp: Nhà nước ban hành khung và tính giờ chuẩn; doanh nghiệp đồng thiết kế, bố trí hiện trường; nhà trường bảo đảm chất lượng, an toàn; địa phương và cộng đồng xác định nhu cầu, tiếp nhận, cùng giám sát

Thứ hai, bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng theo cơ chế có thể vận hành ngay. Thành lập “Quỹ vì mô dự án cộng đồng” cấp trường, khoa theo mô hình đối tác công tư (PPP), áp dụng matching tối thiểu 1:1:1 giữa ngân sách nhà nước, nhà trường đóng góp của doanh nghiệp, xã hội hóa, cho phép đặt hàng theo kết quả. Quỹ tài trợ các khoản hợp lệ như vật tư, di chuyển hiện trường, tập huấn an toàn đạo đức, bảo hiểm, giám sát đánh giá, và đầu tư cơ sở vật chất dùng chung (phòng thí nghiệm di động). Quy trình đề xuất 2 đợt/năm, thẩm định liên ngành, ký biên bản ghi nhớ với mốc sản phẩm, giải ngân theo mốc tiến độ, quyết toán kèm hồ sơ minh chứng số. Phân vai cụ thể Nhà nước ban hành ưu đãi thuế chuẩn hạch toán PPP và định mức chi; doanh nghiệp đồng tài trợ, cử cố vấn nghề nghiệp, bố trí hiện trường; nhà trường đồng quản trị quỹ, kiểm soát rủi ro, công khai bảng theo dõi, đánh giá tiến độ, đầu ra và tác động. Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động (KPI) số dự án tài trợ, % vốn matching, chi phí bình quân trên mỗi sinh viên, bàn giao đúng hạn, mức hài lòng đối tác $\geq 4/5$, chỉ số hoàn vốn xã hội (SROI), cùng với tỷ lệ duy trì hoạt động trong hơn hai học kỳ.

Thứ ba, thiết lập cơ chế đánh giá và giám sát gắn với kiểm định chất lượng. Việc thiết lập cơ chế đánh giá và giám sát gắn với kiểm định chất lượng thực hiện ở ba tầng: đầu vào, quá trình, đầu ra (kết quả). Ban hành bộ tiêu chí gồm: tỷ lệ học phần có thỏa thuận, mô tả công việc kèm kế hoạch an toàn; số buổi rút kinh nghiệm có hướng dẫn trên mỗi học phần; bàn giao đúng hạn; sinh viên “Đạt” theo thang tiêu chí đầu ra; mức độ hài lòng của đối tác đạt từ 4 điểm trở lên trên thang đo 5 điểm.; chênh lệch điểm trước, sau; suất sinh lợi xã hội; duy trì áp dụng trong khoảng từ 6 đến 12 tháng. Vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá; giám sát và lưu trữ minh chứng. Phối hợp Nhà nước, doanh nghiệp, nhà trường, địa phương (tổ

chức xã hội dân sự) trong đánh giá, vận hành và chứng nhận tác động; công nhận: chứng chỉ vi mô cho sinh viên; quy đổi giờ chuẩn, điểm thi đua cho giảng viên.

Thứ tư, thành lập bộ phận điều phối chuyên trách về học tập trải nghiệm gắn với phục vụ cộng đồng ở cấp trường, khoa theo cơ chế “một cửa”. Bộ phận này phụ trách ba mảng: (1) quan hệ đối tác và huy động nguồn lực xã hội (đối tác công, tư, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp); (2) bảo đảm học thuật, an toàn và đạo đức; (3) theo dõi, đánh giá và quản trị dữ liệu. Quy trình chuẩn là tiếp nhận nhu cầu, thẩm định phù hợp chương trình và rủi ro, ghép nối khoa, lớp, hoàn thiện pháp lý (thỏa thuận hợp tác, bản mô tả công việc, đồng thuận, bảo hiểm), triển khai và giám sát giữa kỳ, nghiệm thu, bàn giao công bố kết quả và nhân rộng; kèm cam kết thời gian xử lý, ma trận phân công trách nhiệm, bộ biểu mẫu chuẩn, kho minh chứng số và bảng theo dõi tổng hợp. Chỉ số đánh giá: thời gian ghép nối; tỷ lệ dự án đủ hồ sơ pháp lý; số đề bài đồng thiết kế mỗi năm; tỷ lệ mốc tiến độ đúng hạn; mức hài lòng đối tác $\geq 4/5$; tỷ lệ minh chứng số hóa; số cố vấn tham gia; số thỏa thuận hợp tác duy trì 2–3 năm. Thực hiện phối hợp bốn bên: Nhà nước, doanh nghiệp, nhà trường, địa phương và tổ chức xã hội.

3. KẾT LUẬN

Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng học tập trải nghiệm và phục vụ cộng đồng là điều kiện then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo và trách nhiệm xã hội của trường đại học. Về mặt đóng góp mới, trên cơ sở phân tích đối chiếu bốn trường hợp IUH, VLU, HUTECH, CTU, bài viết hệ thống hóa bốn mô hình CSL hiện hành và giới thiệu bộ tiêu chí đánh giá sáu chiều giúp so sánh một cách nhất quán giữa các mô hình. Phân tích cho thấy học phần tín chỉ theo khung EPICS (hoặc tương đương) đạt hiệu quả vượt trội về kết quả học tập, kỹ năng, tác động cộng đồng và mức độ thể chế hóa. Từ đó, bài viết đề xuất gói giải pháp chính sách quản trị gồm tích hợp CSL vào chương trình, thiết kế cơ chế tài chính vi mô, chuẩn hóa công cụ đo lường kiểm định và thành lập đơn vị điều phối chuyên trách, qua đó cung cấp khung tham chiếu thực chứng cho việc mở rộng bền vững CSL trong giáo dục đại học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Andrew Furco (1996). *Service-learning: a balanced approach to experiential education*. Truy cập từ: <https://digitalcommons.unomaha.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1104&context=slceslgen>
- Chau.T.N.B; Yen.H.P; Thao.L.T& Linh.N.T.T (2024). *The Impact Of Community Service Learning On Developing Students' Global Citizenship: A Case Study At AVietnameseUniversity*. Truy cập từ: https://pjlss.edu.pk/pdf_files/2024_2/20551-20566.pdf
- Dung. N., Milligan, A., & Sutherland, K. (2023), “*The Growth of Service-Learning in Vietnamese Higher Education*”. Truy cập từ: <https://doi.org/10.37333/001c.91730>
- Da Nang People's Committee, Vietnam (2022). *Data Collection Survey for Sustainable and Resilient Urban Development of Da Nang City*. Truy cập từ: <https://openjicareport.jica.go.jp/pdf/12371480.pdf>
- Đại học Cần Thơ (2024). *Khai mạc chương trình hệ Service Learning năm 2024*. Truy cập từ: <https://crd.ctu.edu.vn/thong-bao/hoat-dong/698-khai-mac-chuong-trinh-he-service-learning-nam-2024.html>
- Hien. D. T. D. & Oanh. D. T. K. (2018). *Experiential Learning Activities of Technical Students at Higher Education Institutions in Vietnam*. Truy cập từ: https://www.researchgate.net/publication/328806831_Experiential_Learning_Activities_of_Technical_Students_at_Higher_Education_Institutions_in_Vietnam
- Hutech (2025). *Global Service Learning 2025: Strengthening international bonds between HUTECH and Korean students*. Truy cập từ: <https://www.hutech.edu.vn/english/hutech-news/14623149-global-service-learning-2025-strengthening-international-bonds-between-hutech-and-korean-students>
- Jacoby, Barbara (2003). *Building Partnerships for Service-Learning*. - San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall. Truy cập từ: <https://www.torontomu.ca/experiential-learning/faculty-staff/kolbs-el-cycle/>
- Maimoona Salam (2019). *Học tập dịch vụ trong giáo dục đại học: tổng quan tài liệu có hệ thống*. Truy cập từ: https://www.researchgate.net/publication/331410641_Service_learning_in_higher_education_a_systematic_literature_review
- Truong Tran Minh Nhat (2023). *Applying Community Service Learning to Improve Technical Students' English Communication Skill: Case Study at Industrial University of Ho Chi Minh City, VietNam*. Truy cập từ: <https://qabasjournals.com/index.php/ejll/article/view/187>
- Minh, N. T. T., & Kim, O. D. T. (2021). *Improving Speaking Skill for Technical Students at IUH Through Experiential Activities*. Truy cập từ: <https://lingcure.org/index.php/journal/article/view/1983>

- Northern Illinois University Center for Innovative Teaching and Learning (2025). (n.d.). *Experiential learning*. Truy cập từ: Center for Innovative Teaching and Learning
- Phuong.B.H. (2015). *Học tập phục vụ cộng đồng: yêu cầu đổi mới giảng dạy chuyên ngành thư viện - thông tin*. Truy cập từ: <https://nlv.gov.vn/nghep-vu-thu-vien/hoc-tap-phuc-vu-cong-dong-yeu-cau-doi-moi-giang-day-chuyen-nganh-thu-vien-thong-tin.html>
- Thanh niên (2025). *Trải nghiệm đào tạo công dân toàn cầu tại Trường ĐH Văn Lang*. Truy cập từ: <https://thanhnien.vn/tra-i-nghiem-dao-tao-cong-dan-toan-cau-tai-truong-dh-van-lang-185230806185042379.htm>
- Thuận. P.T.B. & Hải. T.T. (2021). *Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học tại trường đại học công nghiệp thành phố hồ chí minh – thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Số 53A, Tr104-114.
- Tuổi trẻ Online (2022). *Service Learning: Định hướng đào tạo sinh viên trở thành công dân toàn cầu*. Truy cập từ: <https://tuoitre.vn/service-learning-dinh-huong-dao-tao-sinh-vien-tro-thanh-cong-dan-toan-cau-20221110165228463.htm>
- Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh (IUH), (2025). *Tham quan học tập kinh nghiệm và hoạt động cộng đồng năm 2025*. Truy cập từ: <https://fhre.iuh.edu.vn/news.html%40detail%40338%40581%40>
- Nhật. T.T.M. & Oanh.D.T.K. (2023). *Vai trò của học tập phục vụ cộng đồng đối với sự phát triển các kỹ năng mềm thiết yếu của sinh viên kỹ thuật: Nghiên cứu trường hợp tại Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*. Truy cập từ: <https://royalliteglobal.com/advanced-humanities/article/view/1062>
- University of Queensland (2025). *Experiential learning*. Truy cập từ: <https://itali.uq.edu.au/teaching-guidance/teaching-practices/active-learning/experiential-learning>
- Vietnam Service Learning, (2012). *Học tập phục vụ cộng đồng là gì?*. Truy cập từ: <https://vietnamservicelearning.wordpress.com/2012/08/26/hoc-tap-phuc-vu-cong-dong-la-gi>
- Vietnam (2025). *Four key community projects launched in central localities*. Truy cập từ: <https://en.vietnamplus.vn/four-key-community-projects-launched-in-central-localities-post318275.vnp>

INNOVATING UNIVERSITY TEACHING METHODS THROUGH EXPERIENTIAL AND COMMUNITY-BASED LEARNING IN CONTEMPORARY VIETNAM

NGUYEN THI THUY CUONG

Faculty of Law and Political Science, Industrial university of Ho Chi Minh city

Corresponding author: nguyenthithuycuong@iuh.edu.vn

Abstract: The article analyzes recent innovations in university teaching in Vietnam toward experiential learning integrated with community service. Methodologically, the study combines a literature review with a comparative case analysis of four public universities (IUH, VLU, HUTECH, CTU), drawing on student surveys, empirical studies, and reports on service-learning courses. The findings identify four main models: credit-bearing community service-learning (CSL) modules, EPICS-style engineering design projects, short-term international service-learning programs, and summer camps or other seasonal projects. Among these, credit-bearing course modules designed under the EPICS framework or its equivalents demonstrate clear advantages in terms of learning outcomes, soft-skill development, social responsibility, and degree of institutionalization. The study further highlights barriers related to the regulatory framework, resource constraints, evaluation tools, and cross-sector coordination. This article contributes a classification framework, a set of evaluation criteria, and a package of governance-policy solutions to support the sustainable scaling of experiential, community-engaged learning models in Vietnamese higher education.

Keywords: Innovation in higher education teaching methods; Experiential learning; Community service

Ngày nhận bài: 17/7/2025

Ngày nhận đăng: 03/11/2025